

Bản án số: 301/2024/DS-PT

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

*“Tranh chấp về quyền sử dụng đất
và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt là
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5938/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ trước xuất cảnh: Xóm A, xã S, huyện Y, Nghệ An; hiện trú tại: Cộng hòa liên bang Đ; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị S:

1. Bà Thái Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm F, xã V, huyện Y, Nghệ An; có mặt.

2. Ông Nguyễn Sỹ L, sinh năm 1962; địa chỉ: K B, tập thể B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Trần Khắc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm F, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Ông Trần Quang T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm A, xã S, huyện Y, tỉnh

Nghệ An; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Thái Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai các đương sự, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Thái Thị S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 2008, bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1 mua của ông Trần Khắc T2 một thửa đất, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CN 420998, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00943 ngày 27/7/2018, diện tích 210m², tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 9, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Bà S, ông T1 đều đang sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đ nên chưa sử dụng thửa đất. Khoảng năm 2017 - 2018 ông Trần Khắc T (hộ liên kê) đã lấn chiếm đồ đất làm đường đi và trồng cây trên đất; bà S, ông T1 đã có đơn khiếu nại, UBND xã V và UBND huyện Y giải quyết khiếu nại, đều kết luận hành vi của ông T là sai, buộc ông T tháo dỡ và trả lại nguyên hiện trạng ban đầu cho gia đình bà S nhưng ông T không thực hiện mà còn tiếp tục xây dựng công sự để sử dụng. Năm 2019, bà S có hợp đồng cho ông Nguyễn Sỹ V thuê đất làm ô tô kinh doanh nhưng không thực hiện được do thửa đất đang có tranh chấp với ông T.

Vì vậy, bà Thái Thị S khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc ông Trần Khắc T trả lại diện tích 150m² để trả lại nguyên trạng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, diện tích 210m² tại xóm H, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Buộc ông Trần Khắc T bồi thường thiệt hại hoa màu mà gia đình canh tác trong thời gian qua là 500.000 đồng/tháng.

- *Bị đơn ông Trần Khắc T có yêu cầu phản tố trình bày:*

Khoảng đầu năm 1995, UBND xã V được UBND huyện Y cho chủ trương bán một số lô đất phía Bắc Quốc lộ G (đoạn km14) thuộc xóm Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An; đây là khu đất ruộng, giáp Quốc lộ G, nằm liền kề với thửa đất của gia đình ông sử dụng từ lâu. Lúc đó, ông Thái Văn T3 mua 02 suất (thửa số 128, tờ bản đồ số 2 xã V) có tổng diện tích 216m² và ngày 12/4/1995 được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ. Năm 2004, ông T3 bán 108m² của thửa đất nêu trên cho ông Thái Văn T4, bà Nguyễn Thị L1 và ngày 14/9/2004 ông T4, bà L1 được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số X249097; phần diện tích đất còn lại 108m² được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ vào ngày 14/9/2004 mang tên ông T3 và vợ là bà Nguyễn Thị C; hiện nay phần đất này đã được vợ chồng ông T3, bà C bán cho bà Nguyễn Thị An cư t tại huyện K, tỉnh Nghệ An. Ngày 10/8/2008, vợ chồng ông Thái Văn T4 bán 108m² đất nêu trên cho ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S (định cư ở Đức). Thửa đất này chính là vị trí của ½ thửa đất số 128, tờ bản đồ số 2 thuộc xã V nêu trên nhưng diện tích không phải là 108m² như nội dung chuyển nhượng mà tăng lên

210m². Vì vậy, yêu cầu làm rõ nguồn gốc, diện tích, tính hợp pháp của 03 thửa đất số: 28, 40, 41 tờ bản đồ số 09, xóm Đ, xã V, huyện Y để đảm bảo quyền lợi của gia đình ông.

Chính quyền các cấp huyện Y cấp đất cho ông T1, bà S là trái pháp luật, làm mất lối đi (dù lối đi chung hay lối đi riêng). Theo bản đồ địa chính xã Viên Thành đo đạc 2005, gia đình ông có một con đường (lối đi) + con mương từ đất nhà ông đi ra Quốc lộ G. Năm 2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y đã xác nhận đó là lối đi của công dân; UBND huyện Y cấp trùng lên diện tích đường đi chung, thể hiện trên bản đồ địa chính và có con đường hiện hữu trong thực tế; nguồn gốc diện tích đất là 216m² nhưng diện tích tăng lên tổng 440m² do cấp cả phần đường đi và cấp cả phần đất đã hòa giải năm 2013 giữa 02 gia đình là thửa 40 và thửa 38.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 2008 cấp không đúng diện tích và số thửa đất nhưng không kê khai, lập hồ sơ để cấp GCNQSDĐ theo quy định; ranh giới, mốc giới thửa đất có thay đổi nhưng không lập biên bản mô tả, ranh giới, mốc giới theo quy định.

Vì vậy, ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Thái Thị S. Do bà S có dấu hiệu gian lận trong việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với ½ thửa đất 129, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 40, tờ bản đồ số 09) từ năm 2008 do kê khai cả đường đi dân sinh, mương và một phần đất của gia đình ông nên đề nghị hủy GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018 và hủy Quyết định số 5911/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện Y để trả lại lối đi chung, mương thoát nước và một phần đất của gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ khoảng 20m², có chiều dài 20m, rộng 1m.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Y do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về cấp GCNQSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh N quy định về cấp GCNQSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì về quy trình, thủ tục cấp GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018 cho ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 09, xã V và GCNQSDĐ số CH 932760 ngày 28/6/2017 cho ông Trần Khắc T theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, UBND huyện Y cấp đổi GCNQSDĐ số CN 420998 tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, xã V theo Quyết định số 5911/QĐ ngày 27/7/2018 không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất tại thửa 267 (tách từ thửa 38) của gia đình ông T và việc cấp GCNQSDĐ số phát hành CH 932760 theo Quyết định số 5243/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 tại thửa 267, tờ bản đồ số 9, xóm Đ, xã V, diện tích 225m² không ảnh hưởng đến quyền lợi về đất đai tại thửa 40, tờ bản đồ số 9, xã V của bà Thái Thị S.

Tuy nhiên, tại thời điểm lập hồ sơ cấp đổi thửa đất số 40 cho ông Trần Quang T1 và bà Thái Thị S thì UBND xã V xác định mốc giới thửa đất theo biên bản kiểm

tra hiện trạng đã được được thống nhất ngày 04/10/2013 nhưng chưa lập thủ tục chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất theo đúng quy định và trong quá trình thực hiện nghiệp vụ thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất không thực hiện chỉnh lý bản đồ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T6 về bản đồ địa chính mà chỉ trích lục thửa đất trên nền bản đồ địa chính nên đã nhầm chiều dài kích thước cạnh phía trước bóm QL7A chỉnh từ 12,02m theo bản đồ thành từ 11,5m thay vì 11,05 m (như ranh giới tại biên bản hiện trạng ngày 04/10/2013) dẫn đến GCNQSDĐ số CN 420998 tại thửa 40 bị sai lệch kích thước cạnh phía trước bóm đường Q, không đúng hiện trạng tiếp giáp phía Bắc và chênh lệch tăng diện tích từ 207m² thành 210m². Do đó UBND huyện đề nghị không tuyên hủy GCNQSDĐ số CN420998 tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, xã V theo Quyết định số 5911/QĐ ngày 27/7/2018 đã cấp cho ông Trần Quang T1 và bà Thái Thị S, đồng thời thống nhất quan điểm hướng dẫn hộ gia đình ông Trần Quang T1, Thái Thị Sáng lập hồ sơ đề nghị cấp đổi thửa đất theo đúng ranh giới, mốc giới, kích thước và thực hiện việc chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính theo đúng quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T1 trình bày:

Ông và bà Thái Thị S là vợ chồng, năm 2006 ly hôn. Do muốn mua tài sản cho con nên năm 2008 ông và bà S có góp vốn mua của ông Thái Văn T4 01 thửa đất, diện tích cụ thể ông không nhớ nhưng thửa đất có chiều dài khoảng 30m, chiều giáp mặt đường hơn 20m, diện tích đúng như trong hợp đồng chuyển nhượng, sau đó ông đã nộp thuế và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ với diện tích 210m², hiện tại ông và bà S đều đang quản lý thửa đất này. Khoảng năm 2017 - 2018 ông T đổ đất trên phần đất của ông và bà S, ông có nghe anh trai là ông Trần Khắc T5 nói lại nên ông nhờ ông T5 hỏi thì ông T nói nhờ đổ đất nhưng đến nay ông T không trả lại hiện trạng thửa đất cho ông và bà S. Vì vậy, ông đồng ý với đơn khởi kiện của bà S yêu cầu ông T trả lại hiện trạng thửa đất cho ông và bà S; ông không yêu cầu ông T bồi thường hoa màu trên đất lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông T1 nộp tài liệu là Đơn xin hiến đất ghi ngày 08/3/2023, có nội dung: Xin hiến một phần diện tích của thửa đất số 40, tờ bản đồ số 9 tại xóm H cũ, nay là xóm F, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (hiên đất phía Tây) để tạo lối đi chung, cụ thể: Phía Nam giáp QL7 có chiều rộng 2,05m; phía Bắc có chiều rộng 1,5m; chiều sâu dài 40,5m (tính cả phần đất ở và phần đất dành cho người đi bộ); diện tích hiến khoảng 72m².

Tại phiên toà sơ thẩm, ông T1 cho rằng phần đất tranh chấp là tài sản của ông nên ông tự nguyện lùi khoảng gần 2m chiều rộng và chiều dài theo thửa đất, diện tích khoảng 72m² để làm đường đi, khi ông và bà S phân chia tài sản đề nghị giao cho bà S thửa đất khác cách thửa đất tranh chấp 01 lô.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/8/2022 thể hiện:

+ Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 9 tại xóm F, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An có diện tích 275,6m² (bao gồm cả phần đất quy hoạch), trên thửa đất có các tài sản là: 01 cây Lộc vừng giá 25.000 đồng; 14 cây Keo tràm 05 tuổi có giá 25.000 đồng/cây; phần đất bồi đắp sử dụng làm đường đi có chiều dài 30,6m, rộng 6,2m, cao 1,2m, khoảng 227,664m³, có giá trị 150.000 đồng/1m³.

+ Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9 tại xóm F, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An có diện tích 848m² (bao gồm cả phần đất quy hoạch), trên thửa đất có các tài sản là: Xung quanh có tường xây bao quanh, có nhà ở hai tầng và các công trình phụ.

+ Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất theo giá thị trường thời điểm tranh chấp là 18.000.000 đồng/m².

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 34, 39, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S về việc yêu cầu ông Trần Khắc T trả lại diện tích 150m² lấn chiếm làm đường để trả lại hiện trạng của thửa đất cho bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1 và yêu cầu bồi thường thiệt hại về hoa màu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Khắc T về việc hủy GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018 và hủy Quyết định số 5911/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện Y cấp cho ông Trần Quang T1 và bà Thái Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2023, nguyên đơn bà Thái Thị S có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc buộc ông Trần Khắc T phải trả lại phần đất đã lấn chiếm với bề ngang dọc theo Quốc lộ G là 3,2m, chiều dọc tính từ mép Quốc lộ 7A đến mốc giới phía Nam thửa đất số 40, tờ bản đồ số 9 như trong GCNQSDĐ số CN 420998 do UBND huyện Y cấp ngày 27/7/2018 ghi tên ông Trần Quang T1 và bà Thái Thị S; xem xét giải quyết về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Bà Thái Thị S kháng cáo yêu cầu buộc ông Trần Khắc T trả lại phần đất đã lấn chiếm và xem xét lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự vì bản án sơ thẩm nhận định bà S khởi kiện buộc ông T di dời các tài sản trên phần đất bồi đắp sử dụng làm đường đi là có căn cứ nhưng lại nhận định ông T đã lấn chiếm đất thuộc quyền sở hữu chung của bà S, ông T1 với diện tích khoảng 72m² và căn cứ vào Đơn xin

hiển đất ngày 08/3/2023 của ông T1 để tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc buộc ông T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là mâu thuẫn nhau và không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định ông T1 hiển đất khi chưa có sự đồng ý của bà S là chưa đúng pháp luật nhưng cho rằng bà S không có yêu cầu khởi kiện để dành quyền khởi kiện cho bà S bằng vụ kiện khác và chấp nhận việc hiển đất của ông T1 làm chứng cứ duy nhất để bác yêu cầu khởi kiện của bà S là không có cơ sở pháp lý. Đơn xin hiển đất ngày 08/3/2023 của ông T1 là trái pháp luật nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết dứt điểm dẫn đến giải quyết chưa đúng yêu cầu khởi kiện của bà S. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị S và huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt nguyên đơn có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Trên cơ sở ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 28/6/2020 nguyên đơn bà Thái Thị S, hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Khắc T trả lại diện tích 150m² để trả lại nguyên hiện trạng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, tại xóm H, xã V, huyện Y, tỉnh

Nghệ An; bị đơn ông Trần Khắc T có yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018 và hủy Quyết định số 5911/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện Y cấp cho ông Trần Quang T1 và bà Thái Thị S để trả lại lối đi chung, nương thoát nước và một phần đất cho gia đình. Do đó, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, yêu cầu khởi kiện thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu buộc ông Trần Khắc T trả lại diện tích 150m² lấn chiếm làm đường để trả lại hiện trạng thửa đất cho bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1:

Bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1 là những người mua thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09 tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An của ông Thái Văn T4 và đã được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018, diện tích 210m². Năm 2013, ông Trần Khắc T (hộ sử dụng đất liền kề) xây dựng nhà ở, tường rào thì 02 bên phát sinh mâu thuẫn; UBND xã V đã tiến hành hòa giải và 02 bên đã thống nhất ranh giới, đã ký vào Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/10/2013. Theo đó, thửa đất số 40 (đất của bà Thái Thị S, ông Trần Quang T1) theo bản đồ địa chính chiều rộng cạnh phía trước bám đường Quốc lộ 7A là 12,02m cạnh phía sau là 10,09m, sau khi hòa giải đã thống nhất chiều dài cạnh trước bám Quốc lộ G là 11,05m và cạnh phía sau dài 10,6m và mốc giới này đã được ông Trần Khắc T5 ký, bà Nguyễn Thị Đ1 (người được ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S ủy quyền tại thời điểm tranh chấp) ký và đã được các ban ngành liên quan UBND xã V ký xác nhận. Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/10/2013 thì thửa đất số 40 của ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S có diện tích 207m². Năm 2017, ông Trần Khắc T tiếp tục có hành vi đổ đất lên một phần đất thửa 40 để sử dụng; ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S tiếp tục có đơn kiến nghị, UBND xã V đã giải quyết đình chỉ và yêu cầu ông Trần Khắc T trả lại nguyên trạng nhưng gia đình ông Trần Khắc T không thực hiện. Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/10/2013 thể hiện trên thửa đất số 40 của ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S có một số tài sản của ông Trần Khắc T gồm: 01 cây Lộc Vừng, 14 cây Keo Tràm 05 năm tuổi và phần đất bồi đắp sử dụng làm đường đi có chiều dài 30,6m, rộng 6,2m, cao 1,2m (khoảng 227,664m³) và ông Trần Khắc T cũng thừa nhận những tài sản này là của mình.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Trần Quang T1 trình bày và giao nộp Đơn xin hiến đất ghi ngày 08/3/2023, có nội dung ông đã tự nguyện hiến một phần thửa đất rộng khoảng 2m để mở rộng con đường, diện tích khoảng 72m² và ông Trần Quang T1 đã xây tường bao quanh. Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện phần diện tích khoảng 72m² là phần diện tích đất nằm trong diện tích đất 210m² của thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09 tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An, là

tài sản chung của bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1, đã được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số CN 420998 ngày 27/7/2018. Hiện tại phần diện tích đất này đã được đổ bê tông làm đường đi, có hàng rào bao quanh; các tài sản của ông Trần Khắc T đã được tháo dỡ, không còn trên phần diện tích đất này; ông Trần Khắc T cũng không được cơ quan có thẩm quyền nào công nhận và cấp GCNQSDĐ có phần diện tích đất này và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Trần Khắc T đang trực tiếp quản lý, sử dụng riêng phần diện tích khoảng 72m² đất này của bà Thái Thị S và ông Trần Quang T1.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Thái Thị S thừa nhận phần diện tích đất của ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S được công nhận quyền sử dụng có tranh chấp là khoảng 72m²; tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn tính cả phần đất hành lang giao thông và yêu cầu ông Trần Khắc T trả lại là 150m² là chưa chính xác và đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trần Khắc T trả lại đất lấn chiếm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh ông Trần Khắc T đang chiếm giữ, sử dụng riêng phần diện tích đất này; hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Trần Khắc T đang trực tiếp quản lý, sử dụng riêng phần diện tích khoảng 72m² đất của ông Trần Quang T1, bà Thái Thị S.

Như vậy, tại thời điểm bà Thái Thị S khởi kiện và thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định thì ông Trần Khắc T đang chiếm giữ, sử dụng khoảng 72m² đất của bà Thái Thị S, ông Trần Quang T1. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án thì ông Trần Khắc T không còn chiếm giữ, sử dụng riêng phần diện tích đất này nữa mà phần diện tích đất này ông Trần Quang T1 đã tự nguyện hiến đất làm đường giao thông. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với việc ông Trần Quang T1 hiến một phần diện tích thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09 tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An để làm đường giao thông khi chưa được sự đồng ý của bà Thái Thị S (người đồng sở hữu thửa đất) là chưa đúng quy định của pháp luật về việc định đoạt tài sản chung. Tuy nhiên, bà Thái Thị S không có yêu cầu khởi kiện đối với việc ông Trần Quang T1 hiến đất nên bản án sơ thẩm không xem xét và dành quyền khởi kiện cho bà Thái Thị S bằng vụ án khác khi có yêu cầu là đúng pháp luật.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét lại nghĩa vụ chịu án phí: Xét thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị S không được chấp nhận nên bản án sơ thẩm buộc bà Thái Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định tại Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Thái Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Bà Thái Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004421 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng